

(Kèm theo Công văn số: /UBND-VHXXH ngày /9/2026 của UBND xã Đắk Rve)

1. Nhập mã cấp học, Mầm non: 0; Tiểu học: 1; THCS: 2; TH-THCS: 3

2. Việc rà soát trường chuẩn quốc gia bao gồm tất cả các trường kể cả trường ngoài công lập

TT	Mã định danh điện tử UBND cấp xã	Mã định danh điện tử đơn vị	Trước khi thực hiện sắp xếp						Sau khi thực hiện sắp xếp (Quyết định số 627/QĐ-UBND)						
			Tên đơn vị trước sắp xếp	Mã cấp học	Loại hình trường	Ngày công nhận đạt chuẩn quốc gia	Mức độ đạt chuẩn của đơn vị cũ (Mức 1/Mức 2)	Thời hạn còn lại của Bảng chuẩn cũ (Ngày hết hạn)	Tình trạng bảo lưu kết quả (Theo Điều 27)	Mã định danh điện tử ĐV (mới)	Tên đơn vị sau sắp xếp	Mã cấp học	Quyết định sắp nhập (Số/Ngày)	Mức độ đạt chuẩn được bảo lưu	Thời hạn bảo lưu tối đa (theo quy định mới)
I	UBND xã Đăk Rve														
1	H48.289	H48.289.9	Mầm non 19/5	0	Công lập	05/8/2022	Mức 2	1 năm (05/8/2027)		Mầm non 19/5	0	129/QĐ-UBND ngày 22/8/2026	Mức 2	Tháng 7/2027	2028
2	H48.289		Mầm non Đăk Pne	0	Công lập	Chưa đạt chuẩn									
3	H48.289		Tiểu học Đăk Rve	0	Công lập	2017	Mức 1	Hết hạn							
4	H48.289		THCS Đăk Rve	2	Công lập	2020	Mức 1	Hết hạn		TH-THCS Đăk Rve	3	130/QĐ-UBND ngày 22/8/2026		Hết hạn	2028
5	H48.289		PTDTBT Tiểu học Đăk Pne	1	Công lập	Chưa đạt chuẩn									
6	H48.289		PTDTBT THCS Đăk Pne	2	Công lập	Chưa đạt chuẩn				PTDTBT TH-THCS Đăk Pne	3	131/QĐ-UBND ngày 22/8/2027			

PHỤ LỤC 2

LỘ TRÌNH CÁC TRƯỜNG MẦM NON, PHỔ THÔNG (TH-THCS) ĐĂNG KÝ XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Công văn số: /UBND-VHXXH ngày /9/2026 của UBND xã Đắk Rve)

TT	Xã/Phườn g/Đặc khu	Tên trường	Năm đạt các tiêu chuẩn				Đề nghị công nhận	
			TC1	TC2	TC3	TC4	Năm	Mức
1	Đắk Rve	Trường Mầm non 19/5	2027	2027	2027	2027	2028	1
2	Đắk Rve	Trường TH -THCS Đắk Rve	2027	2027	2027	2027	2028	1
3	Đắk Rve	PTDTBT TH-THCS Đắk Pne	2029	2029				

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ DẠY HỌC CÁC TRƯỜNG TRỰC THUỘC UBND XÃ (MẦM NON, PHỔ THÔNG: TH-THCS) CÔNG NHẬN TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Công văn số /UBND-VHXX ngày /9/2026 của UBND xã Đắk Rve)

TT	Xã	Tên trường	Xây mới		Cải tạo, sửa chữa		Bổ sung thiết bị		Tổng	Năm hoàn thành	Nguồn kinh phí
			Nội dung	Kinh phí	Nội dung	Kinh phí	Nội dung	Kinh phí			
1	Xã Đăk Rve	Trường TH&THCS Đăk Rve	Xây mới 01 phòng học bộ môn Hoa học, phục vụ dạy học lý thuyết, thí nghiệm và thực hành môn Hóa học, bảo đảm có đầy đủ hệ thống điện, nước, thông gió, bàn ghế và khu vực lưu trữ, bảo quản thiết bị, hóa chất	500	Sửa chữa 24 phòng (Sửa khung và cửa sổ các phòng học và phòng chức năng bị hư hỏng bản lề và khung gỗ	600	Bổ sung đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS theo Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT và các văn bản sửa đổi, bổ sung; tập trung thiết bị các môn Khoa học tự nhiên, Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, Toán, Lịch sử và Địa lí, Nghệ thuật, Giáo dục thể chất; thiết bị thí nghiệm, thực hành; thiết bị CNTT, thiết bị trình chiếu, thiết bị âm thanh, bàn ghế từ, giá bảo quản thiết bị và thiết bị dùng chung	1.000	2.100	2029	Một phần từ Chương trình MTQG dân tộc thiểu số và miền núi; một phần chưa có nguồn kinh phí dự kiến
					Sửa chữa 6 phòng vệ sinh của CBGV, và 6 phòng của học sinh	600	Bổ sung thiết bị phòng Khoa học tự nhiên: bộ thí nghiệm, dụng cụ đo, mô hình, kính hiển vi, thiết bị thực hành Vật lí, Hóa học, Sinh học và vật tư thực hành	500	1.100	2029	
			Xây mới nhà đa năng phục vụ giáo dục thể chất, tổ chức các hoạt động giáo dục, văn hóa, văn nghệ, thể thao, hội họp và các hoạt động tập thể của nhà trường	1.000	Cải tạo, sửa chữa khung và mái che bể bơi, thay thế các phần hư hỏng, xuống cấp, bảo đảm an toàn cho học sinh.	500	Bộ dụng cụ dạy bơi, phao cứu sinh, sào cứu hộ, biển báo an toàn, dây phao phân làn, thiết bị sơ cứu và các thiết bị bảo đảm an toàn khi tổ chức dạy bơi	200	1.700	2029	
			Xây mới nhà bảo vệ tại cổng trường, bảo đảm điều kiện làm việc, trực bảo vệ, kiểm soát người và phương tiện ra vào trường, góp phần bảo đảm an ninh, an toàn trường học.	400	Cải tạo, sửa chữa và hoàn thiện hệ thống phòng cháy, chữa cháy của nhà trường; kiểm tra, thay thế các thiết bị PCCC đã hư hỏng, xuống cấp, bảo đảm an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên nhân viên	500	Bổ sung thiết bị phòng cháy, chữa cháy cho các khu vực trong trường; gồm bình chữa cháy, tủ chữa cháy, vòi chữa cháy, lăng phun, đèn báo và chỉ dẫn thoát nạn, đèn chiếu sáng sự cố, chuông báo cháy, biển báo PCCC và các dụng cụ chữa cháy, cứu hộ cần thiết.	200	1.100	2029	
			Xây mới 2 phòng ở công vụ cho giáo viên ở lại trường, gồm phòng ở, khu vệ sinh, hệ thống điện, nước và các hạng mục phụ trợ cần thiết	1.000	Cải tạo, sửa chữa sân trường, tường rào, cổng trường và cảnh quan bảo đảm an toàn	500	Bổ sung thiết bị phòng Ngoại ngữ: máy tính, tai nghe, micro, loa, thiết bị trình chiếu và thiết bị hỗ trợ nghe – nói	200	1.700	2029	
							Bổ sung thiết bị phòng Công nghệ, Âm nhạc, Mỹ thuật: dụng cụ thực hành, mô hình, nhạc cụ, thiết bị âm thanh, giấy vẽ, dụng cụ và vật liệu thực hành	200	200	2029	
							Bổ sung thiết bị thư viện: tủ, giá sách, bàn ghế, máy tính, máy in và thiết bị phục vụ quản lý, khai thác thư viện	500	500	2029	
							Bổ sung tủ, giá, kệ bảo quản thiết bị dạy học và thiết bị phòng bộ môn, bảo đảm điều kiện bảo quản, sử dụng lâu dài	500	500	2029	
			2 Phòng học bộ môn	1.000	2 sân trường (phân hiệu và điểm số 1)	900	3 tivi 65 in	100	1.100	2029	
			2 sân tập thể dục thể thao	1.000			4 Máy tính bàn	100	1.100	2029	
		01 thư viện	1.000			6 Bàn mặt hình thang (để ghép nhóm vòng tròn) và ghế ngồi để phòng tin học	20	1.020	2029		
2	Xã Đăk Rve	Trường Mầm non 19/5	Xây mới công, bờ rào tại điểm trường thôn Kon Cheo Leo (Thôn 5 cũ); xây mới công, tường rào tại điểm Kon Góp (2 điểm)	500	Tu sửa công, bờ rào tại điểm trường thôn Đăk Pnê (Thôn 3 cũ), phân hiệu (MN Đăk Pnê cũ)	400	- Bổ sung thêm 13 bộ đồ dùng tối thiểu cho các các nhóm lớp 3, 4 tuổi và nhóm trẻ. '- Bổ sung thêm 06 bộ đồ chơi ngoài trời (30 loại)	1,600	2.500	2027	
			Lát gạch sân tại điểm trường chính và Phân hiệu	500	Tu sửa, nâng cấp 04 phòng học tại phân hiệu; 03 phòng học tại Kon Góp; 01 phòng học tại điểm Kon Túc	1.600	22 máy tính bàn cho phòng tin học (điểm chính và phân hiệu); 15 ti vi thông minh để kết nối internet	900	3.000	2027	
			04 giếng khoan tại các điểm, kon túc, Kon go 2, kon góp, Kon Cheo leo	500			Trang thiết bị bên trong phòng đa năng tại điểm trường chính (Dụng cụ âm nhạc, dụng cụ thể thao)	500	1.000	2027	
			Xây mới phòng GDTC-NT tại phân hiệu	500					500	2027	
	Tổng cộng							19.120			